TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2019/DS-PT
Ngày: 23 - 7 - 2019
V/v: Tranh chấp yêu cầu phân chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thúy Cầu**

Ông **Trần Quốc Cường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về: "*Tranh chấp yêu cầu phân chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 801/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Lâm Hữu H**, sinh năm 1953; Địa chỉ: số 04, đường Ng, phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Anh N**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N1, huyện D1, tỉnh Quảng Nam (theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017), có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông **Lâm Hữu T**, sinh năm 1958; Địa chỉ: Đường Tr, tổ 4, thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lâm Hữu T: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1977; theo Giấy ủy quyền số 1800 ngày 16/5/2019 Văn phòng

Công chứng P; địa chỉ: 127 đường L, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. **Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam;** Địa chỉ: số 09 đường T4, phường S, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn D**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Bà **Lâm Thị C**, sinh năm 1935; Địa chỉ: Tổ 02, thôn T5, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền bà C là Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1977, theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2019 Văn phòng Công chưng P, có mặt.

3. Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Đường Tr, tổ 4, thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X là ông Lâm Hữu T2, có mặt.Theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2019 Văn phòng Công chứng P.

4. Ông **Lâm Hữu T2**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường Tr, tổ 4, thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/6/2017, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Bùi Anh N thì:

Cha mẹ ông Lâm Hữu H là ông Lâm H2 (sinh năm 1905, chết ngày 16/12/1994) và bà Đặng Thị Ch (sinh năm 1911, chết ngày 24/02/2002) có tạo lập một ngôi nhà và khu vườn tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Cha mẹ ông có kê khai đăng ký theo Quyết định 201/CP tại thửa đất số 632, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.031m^2 đứng tên Lâm H2. Đến năm 1994 kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP thửa đất có số thửa 438, tờ bản đồ sổ 16, diện tích 937,5m^2 đứng kê khai là hộ ông Lâm Hữu T.

Đến ngày 16/12/1994 cha ông chết không để lại di chúc. Năm 2001 mẹ ông và anh em ông góp tiền vào tháo dỡ ngôi nhà cũ, xây dựng mới lại ngôi nhà để mẹ ông sử dụng và làm nhà thờ. Đến ngày 24/02/2002 mẹ ông chết không để lại di chúc, ngôi nhà và đất do vợ chồng em ông là Lâm Hữu T sử dụng.

Cha ông là Lâm H2 (chết năm 1994) trước đây có vợ là bà Lê Thị Q (chết năm 1946), ông H2 và bà Q có 03 người con chung là Lâm Văn H3 (chết năm 1954, không có vợ con), Lâm Văn T3 (chết năm 1966, không có vợ con) và bà

Lâm Thị C. Sau khi bà Q chết thì ông H2 có vợ khác là bà Đặng Thị Ch (chết năm 2002) có 2 người con chung là Lâm Hữu H và Lâm Hữu T. Do đó, cha mẹ ông hiện có 03 người con là Lâm Thị C, Lâm Hữu T và Lâm Hữu H. Tài sản của cha mẹ ông chết để lại gồm thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 937,5m^2 và tài sản trên diện tích đất tại thôn TT, xã C1, thành phố H1.

Ngôi nhà và đất của cha mẹ ông chưa lập thủ tục chia thừa kế theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ngày 25/6/2007 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H1 lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AI 536683 ngày 25/6/2007 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là không đúng quy định.

Năm 2008, hộ ông T, bà X tách thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 thêm 01 thửa đất mới số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2 và được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số AN 655624 ngày 01/12/2008. Sau đó, ông T, bà X tặng cho ông Lâm Hữu T2 thửa đất trên và được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số CH01445 cho ông Lâm Hữu T2 vào ngày 05/11/2012. Như vậy thửa đất 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 còn lại 688,7m^2.

Năm 2012, hộ ông T, bà X tách thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 688,7m^2 thêm 01 thửa đất mới số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2 và được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số BL 697915 ngày 07/12/2012 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X.

Các thủ tục cấp GCNQSDĐ và tách các thửa đất trên đến đầu năm 2017 ông Lâm Hữu H mới được biết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lâm Hữu H không yêu cầu phân chia di sản thừa kế là ngôi nhà (dùng để thờ ông bà), khóm thờ và toàn bộ cây cối phía nhà thờ nhưng ông H có nguyện vọng được nhận ngôi nhà (dùng để thờ ông bà), toàn bộ cây cối và phần đất có ngôi nhà thờ của cha mẹ ông để lại có diện tích khoảng hơn 300m^2 để ông đứng tên sử dụng làm nhà thờ, phần còn lại giao hết cho vợ chồng ông Lâm Hữu T sử dụng. Ông đồng ý thối trả lại giá trị ngôi nhà thờ, khóm thờ và giá trị toàn bộ cây cối phía bên phải và phía trước nhà thờ cho ông Lâm Hữu T.

Đối với việc tách thửa và người đứng tên chủ sử dụng các thửa đất được tách ra từ thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 hiện nay có sự thay đổi so với Đơn khởi kiện ban đầu của ông Lâm Hữu H, do đó, nguyên đơn ông Lâm Hữu H bổ sung nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

+ Phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 cho những người thừa kế; không yêu cầu phân chia di sản thừa kế là tài sản trên đất.

+ Hủy GCNQSDĐ số AI 536683 ngày 25/6/2007 của UBND thành phố H1 đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

+ Hủy việc tách thửa đất số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2 và hủy GCNQSDĐ số CH01445 ngày 05/11/2012 của UBND thành phố H1 đã cấp cho ông Lâm Hữu T2.

+ Hủy việc tách thửa đất số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2 và hủy GCNQSDĐ số BL 697915 ngày 07/12/2012 của UBND thành phố H1 đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X.

+ Hủy GCNQSDĐ số AI 536683 ngày 25/6/2007 của UBND thành phố H1 đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 321,9m^2.

Theo các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của Bà Nguyễn Thị Hồng T1 - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lâm Hữu Thiên:

Bà thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản và quan hệ gia đình.

UBND thị xã H1 (nay là UBND thành phố H1) cấp GCNQSDĐ số AI 536683 ngày 25/6/2007 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là đúng quy định pháp luật.

Việc tách thửa đất số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2, loại đất ở nông thôn của hộ ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X và được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số AN 655624 ngày 01/12/2008 của cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X. Sau đó, ông T, bà X tặng cho ông Lâm Hữu T2 thửa đất trên và được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số CH01445 cho ông Lâm Hữu T2 vào ngày 05/11/2012 là đúng quy định pháp luật.

Thửa đất 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 còn lại 688,7m^2, hộ ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X tách thêm một thửa đất số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2 và được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số BL 697915 ngày 07/12/2012 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X là đúng quy định pháp luật.

Hơn nữa, ngày 01/8/2006 ông Lâm Hữu H đã có văn bản từ chối nhận di

sản của ông Lâm H2 và bà Đặng Thị Ch để lại gồm nhà và đất tại thửa 438, tờ bản đồ số 16, có diện tích 935,7m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất. Văn bản từ chối nhận di sản được UBND phường H4 chứng thực ngày 07/8/2006. Do đó, ông H không có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế.

Hiện nay, ông Lâm Hữu H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy các GCNQSDĐ và hủy việc tách các thửa đất là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

Theo Văn bản số 2856/UBND ngày 07/8/2017 và các văn bản có trong hồ sơ vụ án thì người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H1 trình bày:

+ Về nguồn gốc thửa đất thể hiện qua các thời kỳ kê khai, đăng ký đất đai như sau: Hồ sơ đăng ký theo Quyết định 201/CP của Chính phủ là thửa đất số 632, tờ bản đồ số 6 xã C1, diện tích 1.031m^2, loại đất thổ cư do ông Lâm H2 (cha ông Lâm Hữu T) kê khai, đăng ký. Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 242, tờ bản đồ số 5 xã C1, diện tích 820m^2, loại đất thổ cư do ông Lâm Hữu T kê khai, đăng ký. Hồ sơ đo mới theo hệ tọa độ VN 2000 là thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16 xã C1, diện tích 935,7m^2 loại đất ở nông thôn do ông Lâm Hữu T kê khai, đăng ký.

+ Về việc cấp GCNQSDĐ:

Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003, trường hợp sử dụng đất của hộ ông Lâm Hữu T đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Do đó, UBND thị xã H1 cấp GCNQSDĐ số AI 536683 ngày 25/6/2007 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Thửa đất số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2, loại đất ở nông thôn của hộ ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 loại đất ở nông thôn. Do đó, UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số AN 655624 ngày 01/12/2008 của cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Thửa đất số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2, loại đất ở nông thôn của hộ ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 688,7m^2 loại đất ở nông thôn. Do đó, UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số BL 697915 ngày 07/12/2012 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Từ những nội dung trên, UBND thành phố H1 nhận thấy nội dung khởi kiện của ông Lâm Hữu H về việc yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không có cơ sở.

Theo các văn bản có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Lâm Hữu T2 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày thì:

Ông thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản và quan hệ gia đình.

Ngày 01/8/2006, ông Lâm Hữu H đã có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế gồm thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 937,5m^2 và toàn bộ tài sản có trên đất và đồng ý giao lại di sản đã từ chối cho cháu trai là ông Lâm Hữu T2 được toàn quyền sử dụng.

UBND thành phố H1 thực hiện việc tách thửa và cấp các GCNQSDĐ cho ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X, ông Lâm Hữu T2 là đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Lâm Hữu H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy các GCNQSDĐ và hủy việc tách các thửa đất là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

Ông Lâm Hữu T2 - Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của người đại diện của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản và quan hệ gia đình.

Việc UBND thành phố H1 thực hiện việc tách thửa và cấp các GCNQSDĐ cho ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X, ông Lâm Hữu T2 là đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Lâm Hữu H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy các GCNQSDĐ và hủy việc tách các thửa đất là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 - Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản và quan hệ gia đình.

Ngày 21/7/2005, bà Lâm Thị C đã có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế gồm thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 937,5m^2 và toàn bộ tài sản có trên đất và đồng ý giao lại di sản đã từ chối cho em trai bà là ông Lâm Hữu T được toàn quyền sử dụng.

UBND thành phố H1 thực hiện việc tách thửa và cấp các GCNQSDĐ cho ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X, ông Lâm Hữu T2 là đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Lâm Hữu H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy các GCNQSDĐ và hủy việc tách các thửa đất là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

Nếu Tòa án chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Lâm Hữu H và phân chia di

sản thừa kế của cha mẹ bà Lâm Thị C để lại là thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16 xã C1, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam thì bà Lâm Thị C thống nhất giao toàn bộ phần tài sản được chia cho ông Lâm Hữu T quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Hữu H.

1. Phân chia tài sản thừa kế như sau:

- Giao tài sản gồm: Phần diện tích đất 397,7m^2 (gắn liền với ngôi nhà thờ) tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam có giá trị 2.386.200.000 đồng (có sơ đồ kèm theo); ngôi nhà trên đất (dùng để thờ ông, bà) có giá trị là 117.630.000 đồng, với cấu trúc nhà trệt, mái ngói, tường xây 110, nền gạch men, hiên đúc sê - nô, có trụ bê tông cốt thép, diện tích là 45,933m^2; khóm thờ có giá trị là 5.000.000 đồng; toàn bộ cây trồng có trên đất phía bên phải và phía trước nhà thờ *(gồm 19 cây cau đã có quả, 02 cây bơ (đường kính từ 15-10cm), 04 cây bưởi có quả, 03 cây đu đủ đã có quả, 07 cây mãng cầu, ổi, mận đã có quả, 02 cây hoa sứ, 4 cây chuối đã có quả, 7 cây đinh lăng, 01 cây mít có quả, 03 cây trầu, 3 cây vú sữa (đường kính 10-15cm), 01 hàng dâm bụt trồng thành hàng rào, 5 cây mai vườn (đường kính từ 5- 10cm))* có giá trị là 9.940.500 đồng cho ông Lâm Hữu H sở hữu, quản lý, sử dụng. Tổng giá trị tài sản ông Lâm Hữu H được nhận là 2.518.770.500 đồng. Ông Lâm Hữu H có trách nhiệm thối trả lại cho ông Lâm Hữu T số tiền 647.370.500 đồng *(Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).*

- Giao phần tài sản thừa kế của bà Lâm Thị C được nhận và phần tài sản thừa kế của ông Lâm Hữu T cho ông Lâm Hữu T quản lý, sử dụng. Ông Lâm Hữu T được nhận phần diện tích đất 538m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam có giá trị 3.228.000.000 đồng *(Ba tỷ hai trăm hai mươi tám triệu đồng)* và nhận số tiền do ông Lâm Hữu H trích trả là 647.370.500 đồng *(Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lâm Hữu T có đơn đề nghị thi hành án mà ông Lâm Hữu H không thanh toán số tiền nêu trên thì còn

phải trả lãi đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 536683 ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố H1 đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

3. Hủy việc tách thửa đất số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01445 ngày 05/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố H1 thành phố H1 đã cấp cho ông Lâm Hữu T2.

4. Hủy việc tách thửa đất số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 697915 ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố H1 thành phố H1 đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 536683 ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố H1 thành phố H1 đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 321,9m^2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2018, bị đơn ông Lâm Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 30/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lâm Hữu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Hữu T trình bày: Về nguồn gốc nhà đất ttranh chấp và quan hệ gia đình thống nhất trình bày đại diện nguyên đơn của cha mẹ là ông Lâm H2 và bà Trần Thị Ch, nhưng sau đó ông Lâm Hữu T kê khai và đăng ký theo Nghị định 64/Cp của Chính Phủ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất, ông Lâm Hữu H và bà Lâm Thị C đã có Văn bản từ chối di sản thừa kế của cha mẹ vào năm 2006; việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lâm H2 và bà Trần Thị Ch, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X, hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Lâm Hữu T2 là không đúng; đồng thời khi phân chia diện tích đất Tào án sơ thẩm đã chia cho ông Lâm Hữu H

diện tích đất hình tam giác là bất lợi cho ông Lâm Hữu T và Lâm Hữu T2; đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Hữu H trình bày: Ông Lâm Hữu H đã có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế vào ngày 1/8/2006 với nội dung: Từ chối nhận di sản và đồng ý giao lại di sản cho cháu trai là Lâm Hữu T2 được toàn quyền sử dụng; tuy nhiên sau khi có Văn bản từ chối thì ông Lâm Hữ Thiện và bà Lâm Thị C không đồng ý, mà cho rằng phải giao toàn bộ cho ông Lâm Hữu T; do vậy, vào đầu năm 2006 ông H đã rút lại Văn bản từ chối nhận di sản và yêu cầu UBND phường H4 hủy Văn bản từ chối trên, hiện tại chỉ còn một văn bản từ chối do ông Lâm Hữu T2 giữ và đã sao gởi cho Tòa án; mặt khác văn bản từ chối nhận di sản đã quá thời hạn 6 thang kể từ ngày cha mẹ ông mất. Ông Lâm Hữu T2 được ông nuôi dưỡng từ nhỏ nhưng khi ông về cúng giỗ cha mẹ thì ông Lâm Hữu T và ông Lâm Hữu T2 ngăn cản, hiện nay ông muốn có được nơi để thờ cúng ông bà cha mẹ ông đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Hữu T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Lâm Hữu T2 thống nhất trình bày của người đại diện ủy quyền của ông Lâm Hữu T đề nghị Tòa án phcus thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án phcus thẩm avf Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành quy định của luật tố tụng. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và kháng cáo của ông Lâm Hữu T cùng nội dung thấy rằng: Nhà và đất các bên tranh chấp là của ông Lâm H2 và bà Trần Thị Ch; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Hữ Thiện và bà Trần Thị X đã qua thwoif gian lâu hơn 10 năm; ông Lâm Hữu H và bà Lâm Thị C đã có văn bản từ chối nhận di sản; đối với ông Lâm Hữ Hùng Văn bản từ chối nhận di sản lập năm 2006 có UBND phường H4 xác nhận đã có hiệu lực; do vậy việc ông H khởi kiện chia di sản thừa kế là không có căn cứ; do đó kiểm sát viên thông nhất với quan điểm của kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hữu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và kháng cáo của ông Lâm Hữu T, thấy:

[1.1] Theo lời khai thống nhất của các đương sự nguồn gốc nhà và đất tranh chấp của ông Lâm H2 và bà Đặng Thị Ch là thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16 diện tích 935,7m^2 loại đất ở nông thôn do ông Lâm Hữu T kê khai, đăng ký được UBND thị xã H1 cấp GCNQSDĐ số AI 536683 ngày 25/6/2007 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Ông H2(chết năm 1994), bà Ch (chết 2002) không để lại di chúc. Do đó có căn cứ xác định tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của ông H2, bà Ch để lại chưa chia. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 bà Ch là: ông Lâm Hữu H, Lâm Hữu T và Lâm Thị C. Vào ngày 21/7/2005 bà Lâm Thị C có văn bản từ chối nhận di sản với nội dung: Bà C từ chối nhận di sản là nhà và đất tại Thửa 438, tờ bản đồ số 16, có diện tích 935,7m2 cùng toàn bộ tài sản có trên đất và đồng ý giao toàn bộ tài sản có trên đất cho em trai là Lâm Hữu T trọn quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất, Văn bản từ chối nhận di sản được UBND xã C1, thành phố H1 chứng thực; ngày 01/8/2006, ông Lâm Hữu H có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 937,5m^2 và toàn bộ tài sản có trên đất và đồng ý giao lại di sản đã từ chối cho cháu trai là ông Lâm Hữu T2 được toàn quyền sử dụng. Các văn bản từ chối nhận di sản của bà Lâm Thị C và ông Lâm Hữu H điều đã quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày mở thừa kế; khoản 3 Điều 642 BLDS năm 2005 quy định: " Sau sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế nếu không có từ chối nhận di sản thì được coi là đồng ý nhận thừa kế". Đối với bà Lâm Thị C kể từ sau khi BLDS năm 2015 có hiệu lực(ngày 1/1/2017) quá trình giải quyết vụ án Bà vẫn giữ ý chí từ chối nhận di sản theo Văn bản từ chối nhận di sản lập ngày 21/7/2005 do vậy, việc từ chối nhận di sản của Bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 620 BLDS năm 2015; ông Lâm Hữu T được nhận toàn bộ di sản thừa kế của bà Lâm Thị C. Đối với ông Lâm Hữu H sau khi có Văn bản từ chối nhận di sản và cho di sản cho cháu là Lâm Hữu T2 nhưng không được ông Lâm Hữu T và bà Lâm Thị C đồng ý; do vậy, Ông đã thay đổi ý kiến yêu cầu hủy bỏ Văn bản từ chối nhận di sản nên Văn bản từ chối nhận di sản của Ông lập ngày 1/8/2006 tại UBND phường H4, H5, Đà Nẵng không còn giá trị pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế cho ông Lâm Hữu H là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và kháng cáo của ông Lâm Hữu T giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[1.2] Về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lâm Hữ Thiện và bà Trần Thị X, ông Lâm Hữu T2.

Thửa đất số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2, loại đất ở nông thôn của hộ ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 loại đất ở nông thôn được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số AN 655624 ngày 01/12/2008 của cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X ; Thửa đất số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2, loại đất ở nông thôn của hộ ông Lâm Hữu T, bà Trần Thị X có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 688,7m^2 loại đất ở nông thôn được UBND thành phố H1 cấp GCNQSDĐ số BL 697915 ngày 07/12/2012 cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X. Xét thấy, nhà và diện tích đất tại thửa 438, tờ bản đồ 16, diện tích 935,7m2 là di sản của ông Lâm H2 và bà Trần Thị Ch đẻ lại; việc UBND TP H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà X; ông T2 nhưng chưa được sự thống nhất của các đồng thừa kế là không đúng pháp luật; mặt khác, các giấy chứng nhận trên vào tháng 11/2016 ông Lâm Hữu H mới được biết nên yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận này còn trong thời hiệu để xem xét. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy các giấy chứng nhận này là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Hữu T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1.3] Về việc chia thừa kế bằng hiện vật: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và chia di sản bằng hiện vật tương đương giá trị di sản phần ông Lâm Hữu H được hưởng là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Hữu T giữ nguyên bản án sơ thẩm về sơ đồ phân chia bằng hiện vật kèm theo bản án.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Hữu T là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 642 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 620, 623, 649, 650,651,660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I/ Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Hữu T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Hữu H.

1. Phân chia tài sản thừa kế như sau:

- Giao tài sản gồm: Phần diện tích đất 397,7m^2 (gắn liền với ngôi nhà thờ) tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam có giá trị 2.386.200.000 đồng (có sơ đồ kèm theo); ngôi nhà trên đất (dùng để thờ ông, bà) có giá trị là 117.630.000 đồng, với cấu trúc nhà trệt, mái ngói, tường xây 110, nền gạch men, hiên đúc sê - nô, có trụ bê tông cốt thép, diện tích là 45,933m^2; khóm thờ có giá trị là 5.000.000 đồng; toàn bộ cây trồng có trên đất phía bên phải và phía trước nhà thờ *(gồm 19 cây cau đã có quả, 02 cây bơ (đường kính từ 15-10cm), 04 cây bưởi có quả, 03 cây đu đủ đã có quả, 07 cây mãng cầu,ổi, mận đã có quả, 02 cây hoa sứ, 4 cây chuối đã có quả, 7 cây đinh lăng, 01 cây mít có quả, 03 cây trầu, 3 cây vú sữa (đường kính 10-15cm), 01 hàng dâm bụt trồng thành hàng rào, 5 cây mai vườn (đường kính từ 5- 10cm))* có giá trị là 9.940.500 đồng cho ông Lâm Hữu H sở hữu, quản lý, sử dụng. Tổng giá trị tài sản ông Lâm Hữu H được nhận là 2.518.770.500 đồng. Ông Lâm Hữu H có trách nhiệm thối trả lại cho ông Lâm Hữu T số tiền 647.370.500 đồng *(Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).*

- Giao phần tài sản thừa kế của bà Lâm Thị C được nhận và phần tài sản thừa kế của ông Lâm Hữu T cho ông Lâm Hữu T quản lý, sử dụng. Ông Lâm Hữu T được nhận phần diện tích đất 538m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam có giá trị 3.228.000.000 đồng *(Ba tỷ hai trăm hai mươi tám triệu đồng)* và nhận số tiền do ông Lâm Hữu H trích trả là 647.370.500 đồng *(Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lâm Hữu T có đơn đề nghị thi hành án mà ông Lâm Hữu H không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 536683 ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 935,7m^2 tại thôn TT, xã C1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

3. Hủy việc tách thửa đất số 534, tờ bản đồ số 16, diện tích 247m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01445 ngày 05/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho ông Lâm Hữu T2.

4. Hủy việc tách thửa đất số 678, tờ bản đồ số 16, diện tích 366,8m^2 và hủy

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 697915 ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 536683 ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam đã cấp cho hộ ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X đối với thửa đất số 438, tờ bản đồ số 16, diện tích 321,9m^2.

Ông Lâm Hữu T và bà Trần Thị X, ông Lâm Hữu H, ông Lâm Hữu T2 liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo đúng quy định của pháp luật.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Hữu H, ông Lâm Hữu T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản là: 5.000.000,đồng. Ông Lâm Hữu H, ông Lâm Hữu T mỗi người phải chịu 2.500.000,đồng. Ông Lâm Hữu T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lâm Hữu H 2.500.000,đồng(Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Hữu T được miễn không phải chịu.

III/ Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

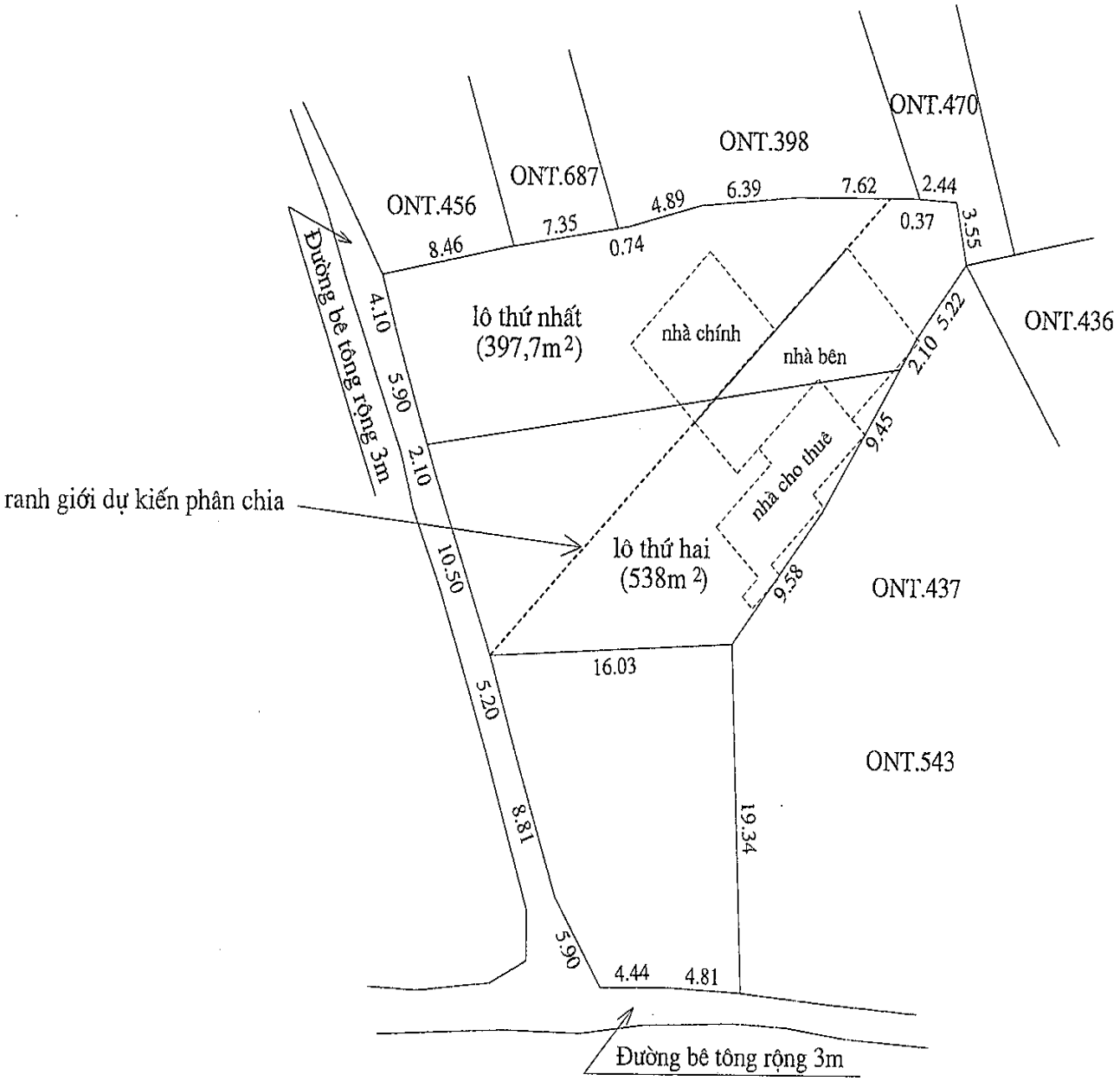
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn

SƠ ĐỒ PHÂN CHIA TÁCH THỬA

(Kèm theo bản án dân sự phúc thẩm số 108/2019/DS-PT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng)



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn